

Bản án số: 212 /2019/DS-PT

Ngày: 12 - 8 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Trương Minh Bạch** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 168/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lâm Hoàng Q, sinh năm 1958 (xin vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Kim K, sinh năm 1960 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh C .

- Bị đơn:

1. Bà Lý Hồng S, sinh năm 1955 (xin vắng mặt)

2. Ông Dương Văn H, sinh năm 1946 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông H: Bà Lý Hồng S, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh C . (xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Dương Văn H, bà Lý Hồng S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Lâm Hoàng Q và bà Nguyễn Kim K thống nhất trình bày:

Năm 2006 ông Q bà K có cho vợ chồng bà S và ông H vay 20.000.000 đồng, sau đó vài tháng ông Q bà K tiếp tục cho bà S và ông H mượn thêm 20.000.000 đồng, mục đích bà S và ông H mượn tiền để điều trị bệnh cho con. Ngoài tiền cho mượn thì ông Q bà K còn tham gia chơi nhiều dây hụi do bà S làm chủ, số tiền ông Q bà K đóng tiền hụi là 27.000.000 đồng, đến nay các dây hụi đều đã mãn nhưng ông Q bà K vẫn chưa hót hụi. Như vậy tổng cộng tiền vay mượn và tiền hụi bà S và ông H còn thiếu ông Q bà K số tiền 67.000.000 đồng, nên năm 2007 bà S và ông H làm giấy cổ đất cho ông bà nhưng thật tế không có việc giao nhận đất cổ. Thời gian sau đó, bà S và ông H trả cho ông Q bà K được 3.000.000 đồng.

Nay ông Q bà K yêu cầu bà S và ông H trả cho ông Q bà K số tiền còn thiếu là 64.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Lý Hồng S, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn H trình bày:

Năm 2006 bà có mượn của vợ chồng ông Q và bà K số tiền 20.000.000 đồng, sau đó bà trả được 3.000.000 đồng. Đến năm 2007, bà tiếp tục đến gặp ông Q hỏi vay thêm 50.000.000 đồng nhưng ông Q không đồng ý cho vay, ông Q nói muốn vay tiền thì phải cổ đất. Do cần tiền nên bà mới kêu con của bà là chị Dương Mỹ Thanh viết 02 tờ cổ đất có nội dung giống nhau, chồng bà là ông H ký trước vào 02 tờ cổ đất, sau đó chị Thanh đem 02 tờ cổ đất đến cho ông Q xem, khi xem xong ông Q giữ lại 01 tờ cổ đất, còn 01 tờ cổ đất ông Q không ký tên mà đưa lại cho chị Thanh đem về. Do ông Q và bà K không đồng ý cổ đất nên bà và ông H chưa nhận được tiền vay của ông Q và bà K, đồng thời bà và ông H cũng không có giao đất cho ông Q và bà K. Số tiền ghi tại tờ cổ đất 67.000.000 đồng là bao gồm số tiền bà mượn trước đó còn nợ 17.000.000 đồng và số tiền bà dự định vay thêm của ông Q là 50.000.000 đồng.

Bà và ông H đồng ý trả cho ông Q và bà K tiền mượn còn nợ 17.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Chấp nhận khởi kiện của ông Lâm Hoàng Q và bà Nguyễn Kim K yêu cầu bà Lý Hồng S và ông Dương Văn H trả nợ tiền vay mượn và tiền hụi.

Buộc bà Lý Hồng S và ông Dương Văn H có nghĩa vụ thanh toán tiền vay mượn và tiền hụi còn nợ cho ông Lâm Hoàng Q và bà Nguyễn Kim K với số tiền là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/5/2019 bà Lý Hồng S và ông Dương Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng

chỉ chấp nhận trả cho ông Q và bà K số tiền 17.000.000 đồng, không đồng ý chịu lãi chậm trả và yêu cầu được miễn án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là bị đơn bà Lý Hồng S, ông Dương Văn H, và nguyên đơn ông Lâm Hoàng Q, bà Nguyễn Kim K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lý Hồng S, ông Dương Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lý Hồng S, ông Dương Văn H không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc buộc bà S, ông H có nghĩa vụ thanh toán tiền vay mượn và tiền hụi cho ông Lâm Hoàng Q, bà Nguyễn Kim K với số tiền là 64.000.000 đồng, bà S, ông H chỉ đồng ý trả cho ông Q, bà K số tiền 17.000.000 đồng. Ngoài ra bà S và ông H yêu cầu được miễn án phí với lý do bà S, ông H đã trên 60 tuổi.

[2] Đối với kháng cáo của ông H, bà S về việc chỉ đồng ý trả cho ông Q, bà K số tiền 17.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Năm 2006 ông H, bà S có nợ tiền ông Q, bà K là thực tế có xảy ra và khi xác lập giao dịch tiền vay, tiền hụi các bên chỉ thể hiện bằng lời nói không được lập thành bằng văn bản điều này đã các bên thừa nhận. Theo ông H, bà S xác định có nợ bà K, ông Q 20.000.000 đồng nhưng đã thanh toán được 3.000.000 đồng, chỉ còn nợ 17.000.000 đồng. Ngược lại bà K, ông Q xác định số tiền bà S, ông H nợ bà K, ông Q là 67.000.000 đồng nên năm 2007 ông H có làm tờ cổ đất nội dung “vợ chồng ông H có cho ông Q phần đất thổ cư mặt tiền ngang 07 mét dài hết hậu có giá trị 67.000.000 đồng...” ông H, bà S đã thanh toán được 3.000.000 đồng, còn nợ lại 64.000.000 đồng nên yêu cầu ông H và bà S có nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên theo bà S trình bày, sở dĩ ông H có lập tờ cổ đất cho ông Q, bà K là do khi bà S, ông H hỏi vay ông Q số tiền 50.000.000 đồng thì ông Q yêu cầu phải làm giấy cổ đất. Từ đó ông H ký trước 02 tờ cổ đất có nội dung như nhau rồi kêu con ông H mang đưa cho ông Q xem, sau khi xem thì ông Q giữ lại 01 bản, do ông Q không đồng ý cổ đất nên chưa giao tiền cho bà S, ông H. Xét lời trình bày của bà S như trên là không có cơ sở. Bởi lẽ, nếu có việc ông Q, bà K không đồng ý cho vay tiền thì ông H, bà S phải yêu cầu ông Q, bà K giao trả lại tờ cổ đất, nhưng kể từ khi ông Q giữ tờ cổ đất cho đến ngày ông Q, bà K khởi kiện thì vợ chồng bà S, ông H không có ý kiến phản đối gì đối với tờ cổ đất này. Mặc khác số tiền được ghi nhận trên tờ cổ đất thể hiện bằng với số tiền ông Q, bà K xác định ông H, bà S còn nợ. Như vậy có cơ sở xác định chính vì có việc nợ tiền nên tại tờ cổ đất ông H, bà S có cam kết trả dần số tiền 67.000.000 đồng này cho ông Q, bà K.

[2.2] Từ những căn cứ trên, cấp sơ thẩm xác định bà S, ông H có nợ tiền ông Q, bà K tổng cộng là 67.000.000 đồng, do bà S, ông H đã trả cho ông Q, bà K được

3.000.000 đồng, nên cấp sơ thẩm buộc bà S và ông H có nghĩa vụ trả cho ông Q và bà K số tiền nợ còn lại 64.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của ông H, bà S về việc yêu cầu được miễn án phí, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông H bà S không làm đơn đề nghị miễn án phí nộp cho Tòa án, do vậy cấp sơ thẩm buộc ông H, bà S có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch $5\% \times 64.000.000 \text{ đồng} = 3.200.000 \text{ đồng}$ là có căn cứ. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm ông H, bà S có nộp đơn xin miễn án phí với lý do ông H, bà S đều đã trên 60 tuổi, xét đơn xin miễn án phí của ông H, bà S là thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đây là tài liệu chứng cứ mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét, do vậy việc ông H và bà S yêu cầu được miễn án phí là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà S và ông H, sửa bản án dân sự sơ thẩm, miễn án phí cho ông H và bà S theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm bà S, ông H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lý Hồng S và ông Dương Văn H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình về phần án phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận khởi kiện của ông Lâm Hoàng Q, bà Nguyễn Kim K yêu cầu bà Lý Hồng S, ông Dương Văn H trả nợ tiền vay mượn và tiền hui.

Buộc bà Lý Hồng S, ông Dương Văn H có nghĩa vụ thanh toán tiền vay mượn và tiền hui còn nợ cho ông Lâm Hoàng Q, bà Nguyễn Kim K với số tiền là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, ông Lâm Hoàng Q và bà Nguyễn Kim K có đơn yêu cầu thi hành án, bà Lý Hồng S và ông Dương Văn H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đã nêu thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Hồng S và ông Dương Văn H được miễn theo quy định. Ông Lâm Hoàng Q và bà Nguyễn Kim K không phải chịu án phí, ngày 12/5/2017, ông Lâm Hoàng Q có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.600.000 đồng theo biên lai thu số 0018579 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Hồng S và ông Dương Văn H không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Lập - Huỳnh Văn Út

Phạm Việt Trung